

Số: /BC-VPUBND

Sóc Trăng, ngày

tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2022

Căn cứ Kế hoạch số 182/KH-UBND, ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về công tác cải cách hành chính năm 2022, Kế hoạch số 01/KH-VPUBND ngày 19/01/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về thực hiện cải cách hành chính năm 2022;

Văn phòng UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2022 tại cơ quan, với một số nội dung như sau:

I. Về tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính (CCHC)

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai thực hiện cải cách hành chính do Ủy ban nhân dân tỉnh giao

1.1. Nhiệm vụ được giao

Theo Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 28/12/2021, Văn phòng UBND tỉnh được giao 02 nhiệm vụ thực hiện CCHC năm 2022 của tỉnh, gồm: xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính năm 2022; thực hiện rà soát, kiến nghị các cấp thẩm quyền bãi bỏ, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính (TTHC) không phù hợp.

1.2. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Văn phòng UBND tỉnh đã tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của kế hoạch, cụ thể: tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 16/01/2022 của UBND tỉnh về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, Văn phòng UBND tỉnh phối hợp các sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2022; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về thực hiện công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh Sóc

Trăng năm 2022; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 07/03/2022 của UBND tỉnh về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022.

2. Tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC triển khai tại Văn phòng UBND tỉnh

2.1. Những nội dung đã ban hành

- Kế hoạch số 23/KH-VPUBND ngày 31/12/2021 của Văn phòng UBND tỉnh về cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 tại Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng;

- Kế hoạch số 18/KH-VPUBND ngày 16/6/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 19/KH-VPUBND ngày 04/7/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về công tác văn thư, lưu trữ của Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng năm 2022;

- Thông báo số 81/TB-VPUBND ngày 03/8/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tham gia hội thi trực tuyến cải cách hành chính năm 2022;

- Công văn số 4290/VP-QT ngày 26/8/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc nâng cao chất lượng cải cách hành chính tại Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Về hiệu quả, tiến độ, tỷ lệ phần việc đã triển khai đến thời điểm báo cáo

Tính đến ngày 13/9/2022, Văn phòng triển khai thực hiện các phần việc CCHC tại cơ quan đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch số 01/KH-VPUBND ngày 19/01/2022 về thực hiện CCHC năm 2022 tại Văn phòng UBND tỉnh.

2.3. Một số kết quả nổi bật trong quá trình triển khai thực hiện 06 nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan

- Về cải cách thể chế

Tính đến thời điểm báo cáo, Văn phòng UBND tỉnh đã triển khai thực hiện 3/3 nhiệm vụ đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch số 01/KH-VPUBND ngày 19/01/2022 đã đề ra.

- Công tác cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa một cửa liên thông

Đã triển khai 5/5 nhiệm vụ đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra (có báo cáo riêng).

- Công tác cải cách tổ chức bộ máy

Triển khai hoàn thành các phần việc theo kế hoạch; đối với việc triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại bộ máy Văn phòng UBND tỉnh và thực hiện việc rà soát, hoàn thiện bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức tiếp tục thực hiện khi cấp có thẩm quyền hướng dẫn; thực hiện nghiêm các quy định

của Trung ương ban hành về chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy. Văn phòng thực hiện nghiêm quy định tại Quy chế làm việc của cơ quan, rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị để loại bỏ những nhiệm vụ chồng chéo, bổ sung những nhiệm vụ mới cho phù hợp.

Tiếp tục giữ nguyên quy hoạch lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý giai đoạn 2016 - 2021 và giai đoạn 2021 - 2026; Rà soát quy hoạch lãnh đạo cấp phòng giai đoạn 2016 - 2021 và giai đoạn 2021 - 2026. Đồng thời đã ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2022, nâng lương thường xuyên kịp thời cho công chức và người lao động 02 trường hợp, chấp thuận điều chuyển 01 công chức sang đơn vị mới, cử 01 công chức học Thạc sĩ trong nước; thông báo 01 trường hợp cán bộ nghỉ hưu theo quy định.

- Công tác cải cách công vụ

Việc kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng đã được thực hiện khoa học, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật, cơ bản đảm bảo cơ cấu hợp lý. Hiện nay, Văn phòng UBND tỉnh có 04 lãnh đạo và 10 phòng chuyên môn với tổng số 84 cán bộ, công chức và người lao động. Nhìn chung hoạt động Văn phòng có hiệu quả, công tác đào tạo bồi dưỡng về nghiệp vụ cho công chức được quan tâm và tạo điều kiện.

Tiếp tục triển khai, quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 22/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-VPCP ngày 21/01/2022 của Chính phủ nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công chức, người lao động về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tinh giản biên chế.

Việc triển khai đánh giá và phân loại cán bộ, công chức và người lao động theo quy định được thực hiện vào cuối năm 2022.

- Công tác cải cách tài chính công

Tiếp tục tham mưu cho Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, cụ thể đã ban hành Quyết định số 47/QĐ-VPUBND ngày 10/11/2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng, ngoài ra đơn vị thực hiện công bố công khai ngân sách đúng theo quy định Luật Ngân sách và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018.

Thực hiện tốt các chính sách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội; luôn chủ động trong việc quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật đối với nguồn kinh phí tự chủ; tăng cường các biện pháp kiểm soát chi tiêu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách.

- Công tác xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

Trong năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh có ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu trong kế hoạch.

Văn phòng đã bổ sung, nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin; xây dựng phòng họp trực tuyến; xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu chung; đào tạo cán bộ; áp dụng chữ ký số trong phát hành văn bản của cơ quan góp phần tiết kiệm chi phí thường xuyên gửi, nhận, xử lý và lưu trữ các văn bản, tài liệu dạng bản giấy trong hoạt động của Văn phòng UBND tỉnh, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính. Đồng thời tiếp tục duy trì và áp dụng các phần mềm kế toán MISA, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm giao dịch trực tuyến công với kho bạc nhà nước, phần mềm khai báo bảo hiểm xã hội qua mạng; ban hành Quyết định số 25/QĐ-VPUBND ngày 15/6/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về rà soát, công bố và công bố lại hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015; xây dựng kế hoạch áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đảm bảo theo tiến độ.

- Công tác chỉ đạo điều hành

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các nội dung đã đề ra tại Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh và kế hoạch cải cách hành chính tại đơn vị đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, gắn với thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/12/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIV về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Xây dựng chuyên mục CCHC trên trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương; đồng thời, triển khai thực hiện việc đăng tin/bài viết tuyên truyền về CCHC lên chuyên mục ít nhất 01 tin, bài/quý.

2.4. Tình hình thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 10/CT-TTg và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND

- Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 121/KH-UBND, ngày 27/8/2019 triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, qua đó chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh nghiêm túc quán triệt chỉ thị và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh khi để xảy ra nhũng nhiễu, phiền hà, tham nhũng trong cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính tại đơn vị để nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp, đảm bảo sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật và củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước, góp phần xây dựng trật tự, kỷ cương. Qua đó ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ công chức, người lao động tại cơ quan được nâng lên.

- Sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc, tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính tại đơn vị.

- Công tác một cửa, một cửa liên thông, hiện đại hóa nền hành chính, ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tiếp tục được thực hiện và phát huy hiệu quả.

- Công chức và người lao động luôn tuân thủ thứ bậc, kỷ cương và trật tự hành chính, đúng thẩm quyền; nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ được giao, không để quá hạn, bỏ sót nhiệm vụ được phân công, không đùn đẩy trách nhiệm, không né tránh công việc; đeo thẻ công chức khi thực hiện nhiệm vụ và thực hiện nghiêm các quy định về đạo đức, văn hóa, giao tiếp của người công chức; thực hiện tốt nội quy, quy chế cơ quan, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ; không sử dụng thời giờ làm việc vào việc riêng; thực hiện tốt quy tắc ứng xử khi thi hành công vụ, công chức, người lao động trong đơn vị luôn có thái độ tôn trọng, hướng dẫn tận tình, không để tổ chức, công dân đi lại nhiều lần, tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho người dân và doanh nghiệp khi đến liên hệ công tác. Thực hiện đúng quy định trong văn hóa hội họp, không hút thuốc lá trong phòng làm việc, phòng họp, hội trường và không sử dụng rượu, bia, đồ uống có cồn trước và trong giờ làm việc, không đánh bạc dưới mọi hình thức, ... cá nhân Lãnh đạo luôn gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện, giao Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện của công chức, người lao động và có báo cáo cụ thể để giúp lãnh đạo xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có).

Ngoài ra lãnh đạo Văn phòng nghiêm cấm công chức lợi dụng chức năng, nhiệm vụ để gây ra những nhiễu, phiền hà, trục lợi khi xử lý, giải quyết công việc có liên quan đến người dân và doanh nghiệp, nếu phát hiện sẽ xử lý kỷ luật theo quy định. Tính đến thời điểm báo cáo tại Văn phòng không có trường hợp công chức, người lao động vi phạm về đạo đức công vụ cũng như vi phạm nội quy của cơ quan.

3. Cung cấp số liệu kết quả đạt được trong triển khai 06 nhiệm vụ CCHC và một số nhiệm vụ khác

(Phụ lục số 02 kèm theo)

4. Thông tin về các công chức phụ trách CCHC

Stt	Nội dung	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Tôn Quang Hoàng	Chánh Văn phòng	0918 939817
2	Công chức phụ trách tham mưu CCHC	Trần Thị Ngọc Huyền	Chuyên viên Trung tâm PVHCC	0944.400627
		Trần Văn Bé Năm	Phó Trưởng phòng Quản trị-Tài vụ	0916.646737

3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Liều Quốc Đạt	Phó Trưởng phòng Khoa giáo-Văn xã	0913.688747
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa	Đặng Hồng Bửu Ngọc	Phó Trưởng phòng Hành chính-Tổ chức	0908.218955

II. Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất: Không có.

III. Phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2022

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính trong thời gian tới, Văn phòng UBND tỉnh đề ra phương hướng, nhiệm vụ như sau:

1. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nội dung của Kế hoạch CCHC năm 2022 đã ban hành.
2. Tiếp tục thực hiện việc công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của cơ quan (nếu có).
3. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các văn bản có liên quan đến công tác cải cách hành chính của cơ quan.
4. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính.
5. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức và theo dõi tình hình thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng tại cơ quan theo kế hoạch đã ban hành.
6. Thường xuyên duy trì, cải tiến việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại đơn vị.
7. Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của công chức, người lao động.
8. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.
9. Tiếp tục duy trì áp dụng tốt phần mềm Kế toán, phần mềm quản lý tài sản.
10. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, trong đó có số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2022 tại Văn phòng UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (P.CCHC);
- Phòng QT-TV;
- Lưu: VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Tôn Quang Hoàng

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC
QUÝ III NĂM 2022 TẠI VĂN PHÒNG UBND TỈNH SÓC TRĂNG
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPUBND ngày tháng 9 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Stt	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Kế hoạch CCHC		1	Kế hoạch số 01/KH-VPUBND
-	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	
-	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	24/30	
-	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	5	
2	Kiểm tra CCHC			
-	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
-	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
-	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
-	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
3	Tuyên truyền CCHC			Kế hoạch số 05/KH-VPUBND
-	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	100	
-	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh (https://cchc.soctrang.gov.vn/)	Tin, bài		Ghi rõ thời gian được duyệt đăng.
-	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC của Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài		Ghi rõ thời gian đã đăng.
-	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, ...)	Tin, bài		Ghi rõ thời gian và phương tiện đã đăng.
-	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,...	Không = 0 Có = 1	1	Ghi rõ hình thức và nội dung tuyên

Stt	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				truyền
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
-	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	2	
-	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	2	
-	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		0	
-	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
-	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
-	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%		
6	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ thị 10 và Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính	Tốt = 1 Có vi phạm = 0	1	
7	Nhiệm vụ khác (nếu có)			
II	Cải cách thể chế			
1	Số VBQPPL đã tham mưu ban hành	Văn bản		
-	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng tiến độ	Văn bản		
-	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản		
2	Rà soát VBQPPL			Kế hoạch số 5/KH-UBND
-	Số VBQPPL phải rà soát			
-	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
-	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau rà soát	Văn bản		
-	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
III	Cải cách thủ tục hành chính			<i>Báo cáo riêng</i>
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Không = 0	1	Kế hoạch số 07/KH-

Stt	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Có = 1		UBND
2	Thống kê TTHC			
-	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục		
-	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
-	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục		
-	- Số TTHC áp dụng tại cơ quan, đơn vị:	Thủ tục		
-	- Số TTHC áp dụng tại các đơn vị trực thuộc:	Thủ tục		
3	Vận hành Trang Một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị			
-	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Trang Một cửa điện tử	Thủ tục		
-	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Trang Một cửa điện tử	Thủ tục		
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Không = 0 Có = 1		
-	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến		
-	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến		
5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
-	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
-	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
-	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
-	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
6	Kết quả giải quyết TTHC			
-	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận			
-	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị trả kết quả			
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		Số lượng TTHC đã giải quyết đúng hạn/Số lượng

Stt	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				TTHC đã giải quyết.
7	Vận hành Cổng dịch vụ công			
-	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	4	
-	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	4	
-	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	4	
IV	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
-	Số phòng ban chuyên môn thuộc khối văn phòng sở	Cơ quan, đơn vị	10	
-	Số tổ chức hành chính trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
-	Số phòng ban chuyên môn trong tổ chức hành chính trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
-	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
-	Số phòng ban chuyên môn trong đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
-	Số lượng phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
-	Tỷ lệ phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%	100	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
-	Số phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
-	Tỷ lệ phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%	0	
2	Số liệu về biên chế công chức			
-	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	88	
-	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	68	
-	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	16	

Stt	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
-	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
-	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với kế hoạch năm	%	0	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)		0	
-	Tổng số người làm việc được giao	Người		
-	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
-	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
-	Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn (nếu có)		0	
-	Tổng số người làm việc được duyệt	Người		
-	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
5	Số liệu về lãnh đạo			
-	Số lượng lãnh đạo cấp sở, ngành	Người	4	
-	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành	Người	21	
-	Số lượng lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc	Người	0	
6	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước		0	
-	Số đơn vị hành chính cấp huyện, phòng chuyên môn cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
-	Số đơn vị hành chính cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
-	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
-	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
7	Thanh tra chuyên ngành		0	
-	Số sở ngành và các đơn vị trực thuộc sở ngành đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
-	Số đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
-	Số đơn vị hành chính cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
-	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề		

Stt	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
-	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
-	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Không = 0 Có = 1	1	
-	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ	Không = 0 Có = 1		
2	Tuyển dụng công chức, viên chức (nếu có)			
-	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	4	
-	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
-	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
-	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
-	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
-	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
-	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
-	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị trực thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
-	Số người được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người		
-	Số người đã được đào tạo, bồi dưỡng thực tế	Người	21	
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		0	
-	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người		
-	Kết quả thực hiện thực tế	Người		

Stt	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
-	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
-	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
-	Số lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
-	Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
-	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
-	- Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn			
-	- Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần			
-	- Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo			
VI	Cải cách tài chính công			
1	Sở ngành thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
2	Số tổ chức hành chính trực thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị	0	
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ		0	
-	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
-	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
-	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
-	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
4	Quy chế chi tiêu nội bộ của sở ngành đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	

Stt	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5	Số lượng đơn vị trực thuộc có Quy chế chi tiêu nội bộ đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
VII	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
1	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị:	Văn bản	3.555	
-	<i>Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
-	<i>Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy</i>	%	2.289	
2	Vận hành kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Có = 1 Không = 0	1	
3	Dịch vụ công trực tuyến			
-	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
-	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	4	
-	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
-	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100	
4	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
-	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	Thủ tục	263	
-	Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	101	
-	Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	101	
-	Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	101	
-	Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	101	
5	Áp dụng ISO trong hoạt động			
-	Sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 24/QĐ-VPUBND
-	Sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	1	
-	Sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối	Có = 1	1	

Stt	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	với hệ thống quản lý chất lượng	Không = 0		
-	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0		
-	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0		
-	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0		